Chi tiết mã HS 1806.20.10

Mã HS	1806.20.10
Mô tả hàng hóa	Sô cô la và các chế phẩm thực phẩm khác có chứa ca cao / - Chế phẩm khác ở dạng khối, miếng hoặc thanh có khối lượng trên 2 kg hoặc ở dạng lỏng, dạng nhão, bột mịn, dạng hạt hoặc dạng rời khác đóng trong bao bì hoặc gói sẵn, khối lượng trên 2 kg: / - - Kẹo sô cô la ở dạng khối, miếng hoặc thanh
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	11/11/2026 15:39:24
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/18062010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2353
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2353
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2353
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-MM)	0% (trừ MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	8	8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2363
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2324
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2324
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2324
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2324
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2324
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2324
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E2362
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2362
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2362
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2362

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2362
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2362
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2,5	VJ!E2364
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	1	VJ!F2364
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2364
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2364
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2364
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2364
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2366
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2330
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2326
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2326
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2326
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2326
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2326
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2326
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2324
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2324
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2324
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2324
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2324
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2324
VCFTA	2022	2022	6	VC!D2373
VCFTA	2023	2023	5	VC!E2373
VCFTA	2024	2024	4	VC!F2373
VCFTA	2025	2025	3	VC!G2373

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	1	VC!H2373
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2373
VN-EAEU	2022	2022	5,5	EAV!D2366
VN-EAEU	2023	2023	3,6	EAV!E2366
VN-EAEU	2024	2024	1,8	EAV!F2366
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2366
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2366
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2366
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D2378
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E2378
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F2378
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G2378
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H2378
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2378
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D2345
EVFTA	2023	2023	10	EV-NK!E2345
EVFTA	2024	2024	7,5	EV-NK!F2345
EVFTA	2025	2025	5	EV-NK!G2345
EVFTA	2026	2026	2,5	EV-NK!H2345
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2345
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D2347
UKVFTA	2023	2023	10	UKV!E2347
UKVFTA	2024	2024	7,5	UKV!F2347
UKVFTA	2025	2025	5	UKV!G2347
UKVFTA	2026	2026	2,5	UKV!H2347
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2347

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	8,5	CPTPP!D2343
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	5,7	CPTPP!E2343
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	2,8	CPTPP!F2343
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G2343
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2343
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2343
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2343
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D2364
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E2364
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F2364
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G2364
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H2364
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I2364
RCEP B	2022	2022	18	B!D2364
RCEP B	2023	2023	16	B!E2364
RCEP B	2024	2024	14	B!F2364
RCEP B	2025	2025	12	B!G2364
RCEP B	2026	2026	10	B!H2364
RCEP B	2027	2027	8	B!I2364
RCEP C	2022	2022	18	C!D2364
RCEP C	2023	2023	16	C!E2364
RCEP C	2024	2024	14	C!F2364
RCEP C	2025	2025	12	C!G2364
RCEP C	2026	2026	10	C!H2364
RCEP C	2027	2027	8	C!I2364
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D2364

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E2364
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F2364
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G2364
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H2364
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I2364
RCEP E	2022	2022	18	E!D2367
RCEP E	2023	2023	16	E!E2367
RCEP E	2024	2024	14	E!F2367
RCEP E	2025	2025	12	E!G2367
RCEP E	2026	2026	10	E!H2367
RCEP E	2027	2027	8	E!I2367
RCEP F	2022	2022	18	F!D2364
RCEP F	2023	2023	16	F!E2364
RCEP F	2024	2024	14	F!F2364
RCEP F	2025	2025	12	F!G2364
RCEP F	2026	2026	10	F!H2364
RCEP F	2027	2027	8	F!I2364
VIFTA	2024	2024	16	VI!F2205
VIFTA	2025	2025	12	VI!G2205
VIFTA	2026	2026	8	VI!H2205
VIFTA	2027	2027	4	VI!I2205

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 1806.20 có 2 dòng thuế; dòng 1806.20.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Kẹo sô cô la ở dạng khối, miếng hoặc thanh.	1806.20.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1806.20.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 1806.20.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2353), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.